



HỌC ANH NGỮ TRÊN ĐÀI VOA

Để nghe bài học, xin [Bấm Vào Đây](#)

Đây là chương trình Anh ngữ Sinh động, New Dynamic English, bài thứ 33. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả.

Trong phần đầu, quý vị nghe câu đố "Question of the Week"; sau đó nghe thuật ngữ mới về ăn trưa (break in); và tiếp theo là phần Functioning in Business về nhận tin và ghi chép nhận trong đi ăn trưa.

STATE=tiểu bang.

HOLE=lỗ

GOLF=banh "gôn", trò chơi banh trên sân cỏ mướt; mỗi người dùng gậy riêng (gậy là club), đánh trái banh (golf ball) cho rớt vào 9 hay 18 lỗ; ai đánh ít nhất mà đưa banh vào lỗ các lỗ và về trước thì thắng.

GOLF COURSE=sân chơi banh "gôn"

AVERAGE=trung bình.

AVERAGE AMERICAN FAMILY=gia đình người Mỹ trung bình.

CUT 1

Question of the Week. Larry: Question of the Week.

Max: This week's question is How many?

Listen carefully. How many? We'll have the answers on the next show.

Question number 1: How many states are there in the United States? How many states are there in the United States?

Question number 2: How many holes are there in a golf course? How many holes are there in a golf course?

Question number 3: How many children are there in the average American family? How many children are there in the average American family?

We'll answer these questions on our next show.

Music

Larry: A Question for you.

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer. Max: What's your telephone number? (ding)
(pause for answer)

Max: Thank you.

Music

Vietnamese explanation

Sau đây chúng ta nghe câu chuy n gi a bài, Story Interlude:

Break in at Boris's V tr m phòng c a Boris. Boris là b n trai c a cô Elizabeth.

TO BREAK IN (INTO)=tr m.

A break in: v tr m.

TO MAKE A MESS=làm b a b i.

SECRET=đ i u bí m t.

TAKE=l y (tr m)

CALL YOU BACK=g i i sau.

LAB=phòng thí nghi m.

TEAR UP THE PLACE=l c i và b b a b i m i n i trong nhà.

LOOKING FOR SOMETHING=tìm v t nào đó.

CUT 2

Larry: And... we're off the air. Good show, guys.

Max: Great show. Hi Elizabeth. How was your visit to Boris's lab?

Elizabeth: Interesting. But I can't talk about it.

Max: Oh, a secret, huh? [Tiếng cười náo nức]

Max: Hello. Yes. It's for you.

Eliz: Hello. Yes...I see...WHAT?! Did they take anything? Unh huh. Oh, no...

Okay, I'll call you back after the show.

Max: What happened?

Eliz: Someone broke into Boris's apartment.

Max: Is he OK?

Eliz: Yes, he's fine. He wasn't there. But they really tore up the place.

Max: Did they take anything?

Eliz: He's not sure. They didn't take his TV or computer. But they really made a mess. They seemed to be looking for something.

Larry: Quiet please. Ready for Functioning in Business. Cue music.

Music

Vietnamese explanation

Sau đây là phần FUNCTIONING IN BUSINESS, một tập về những công việc trong công ty, chú ý về các tập tin và làm việc trong những công ty.

Bài học hôm nay là "Making an Appointment—Part 6; Xin hẹn gặp—phần 6" Phần này chú ý vào cách hẹn trên điện thoại.

LEAVE A MESSAGE=nhắn tin

Chúng ta sẽ nghe ba người gặp nhau và những công việc của họ.

Hôm nay chúng ta tiếp tục công việc trong một chuyến công tác (business trip). Chúng ta nghe ba người. Đó là Charles Blake, làm cho hãng International Robotics; Michael Epstein, làm cho hãng Advanced Technologies, và Shirley Graham, cũng làm cho hãng Advanced Technologies.

Chú ý:

DO YOU LIKE YOUR JOB? Bạn có thích việc bạn đang làm không?

PRODUCTS=sản phẩm

OVERSEAS=ngoại quốc

DO YOU GET MANY CALLS FROM OVERSEAS? =Bạn có nhận được nhiều cuộc gọi từ ngoại quốc không?

FOREIGN CUSTOMERS=khách hàng ngoại quốc

TO RECORD=ghi âm

PHONE CONVERSATION=cuộc điện đàm.

CUT 3

Larry: Phone interview.

Eliz: Today's guest is Arnold Jefferson. Mr. Jefferson is a receptionist at Advanced Technologies. Welcome to our show, Mr. Jefferson.

Arnold: Oh, please call me Arnold. Everyone does.

Eliz: OK, Arnold. Tell us, how long have you worked at Advanced Technologies.

Arnold: Oh, I've been there for about five years.

Eliz: Do you like your job?

Arnold: Oh, very much. I enjoy talking to people.

Eliz: Do you get many calls from overseas?

Arnold: Yes, we do.

We sell a lot of our products overseas, so we get a lot of questions from foreign customers.

Eliz: Do they usually speak English?

Arnold: Of course. When people call most American companies, they need to speak English.

Eliz: As you know, last year, we recorded a number of your phone conversations. Arnold: Yes.

Eliz: Let's listen now to one of these conversations.

Music

Vietnamese explanation

Trong phần tiếp, quý vị nghe Arnold Jefferson là nhân viên ghi âm máy điện thoại của hãng Advanced Technologies. Chúng ta nghe Arnold ghi âm cuộc gọi của anh qua điện thoại. Đề ý những câu như :

ONE MOMENT, PLEASE=xin ch  m t ch t.

NOT AT HIS DESK=kh ng c  m t   b n gi y c  a  ng ta.

CAN I TAKE A MESSAGE=t i c  th  ghi l i l i  ng/b  nh n l i kh ng.

SPELL YOUR NAME=xin  nh v n qu  danh.

YOUR PHONE NUMBER= i n tho i c  a  ng/b  s  m y?

ON THE ROAD= ang di chuy n.

REACH=g i ( i n tho i)

I'LL TRY TO REACH HIM TOMORROW=mai t i s  g i  i n tho i cho  ng  y.

Dialog: Taking messages.

Larry: Dialog.

Larry: Let's listen to Mr. Jefferson answering a phone call at Advanced Technologies.

Arnold: Advanced Technologies.

Schmidt: Yes, this is Hans Schmidt of Omnitech.

May I please speak to Mr. Michael Epstein?

Arnold: One moment, please.

I'm sorry, but Mr. Epstein is not at his desk. Can I take a message?

Schmidt: Yes, could you please tell him I called?

Arnold: Certainly. Could you spell your name for me?

Schmidt: Yes. It's Hans, H A N S. Schmidt, S C H M I D T.

Arnold: S C H M I D T?

Schmidt: Yes, that's right.

Arnold: And your phone number?

Schmidt: I'm on the road, so he won't be able to reach me. Could you please tell him that I'll try to reach him tomorrow?

Arnold: Certainly. I'll give him the message.

Schmidt: Thank you.

Arnold: You're welcome, Mr. Schmidt.

Music

Vietnamese explanation

Trong ph n VARIATIONS, qu i v  nghe c ch n i m t y  b ng hai c ch. Th i d  khi mu n n i, " ng c  mu n nh n l i kh ng?" th i c  th  n i hai c ch:

"Can I take your message?" hay, "Would you like to leave a message?" Th i d  n a: Tell him v 

Let him know, trong hai câu: "Could you please tell him I called?", hay "Could you please let him know I called?"

Xin ông cho ông ấy biết là tôi có gọi cho ông ta.

CUT 5

Larry: Variations. Listen to these variations.

Larry: I'll look forward to seeing you tomorrow morning.

Eliz: May I please speak to Mr. Epstein?

Larry: I'd like to speak with Mr. Michael Epstein, please. (pause)

Eliz: Can I take a message?

Larry: Would you like to leave a message? (pause)

Eliz: Could you please tell him I called?

Larry: Could you let him know I called? (pause)

Eliz: Could you please spell your name for me?

Larry: Would you mind spelling your name? (Pause)

Eliz: I'll try to reach him tomorrow.

Larry: I'll call back tomorrow. (pause)

Music

Vietnamese explanation

Trong phần này, cô Elizabeth phỏng vấn ông Arnold Jefferson về điều quan trọng là phải ghi lại cho đúng một lời nhắn trên điện thoại.

A PHONE NUMBER=số điện thoại.

AN ADDRESS=địa chỉ

CONFIRM THE INFORMATION=xác nhận tin tức cho đúng.

SPELLING=đánh vần

CALL BACK= gọi lại

REPEAT BACK=đọc lại (đọc lại để mình ghi là đúng)

CUT 6

Interview: Receptionist: Taking Messages.

Eliz: Is it difficult to take messages on the phone?

Arnold: Not really. But it's very important for me to confirm the information I hear.

Eliz: For example?

Arnold: Well, for example, spelling. Foreign names are sometimes difficult to understand. So I usually ask the caller to spell his or her name. It's even more important to confirm numbers: phone numbers, addresses, and so on.

Eliz: Yes, if a phone number is not correct, you can't call back.

Arnold: Exactly. So I'm always sure to repeat back a phone number.

Eliz: I see. Thank you very much for speaking with us.

Arnold: Thank you. I've enjoyed being here.

Music

Vietnamese explanation

Quý vị vừa học xong bài 33 trong chương trình ANH NGỮ SINH ĐỘNG NEW DYNAMIC ENGLISH. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả và xin hẹn gặp lại trong bài học kế tiếp.